

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày: 21/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tấn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Việt Trinh.

2. Ông Nguyễn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Vũ L, sinh ngày 11/12/2003; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp X, xã M, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ng và bà Phan Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 7 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/3/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1981; (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã MC, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Quốc V, sinh năm 2002; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã MC, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Nguyễn Quốc T, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã MC, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Ngô Quốc VA, sinh năm 2002; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã MC, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp X, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Phạm Thị Mỹ Dung, sinh năm 1990; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

6. Nguyễn Văn U, sinh năm 1955; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã MC, huyện B, tỉnh Bến Tre.

7. Phan Ngọc N, sinh năm 2003; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 3, xã B, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vũ L, Nguyễn Quốc V và Nguyễn Quốc T là bạn bè có quen biết nhau từ trước. Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 05/12/2022, Nguyễn Vũ L đi bộ từ nhà bà Phạm Thị C (bà ngoại L) ở ấp C, xã MC, huyện B, tỉnh Bến Tre đến nhà Nguyễn Quốc V ngụ cùng ấp để hỏi mượn xe mô tô đi về nhà bạn gái ở huyện BD, tỉnh Bến Tre. Khi đến nhà V thì thấy Vinh và Trọng đang ngủ nên Luân ngồi trên ghế đá quan sát thì thấy xe mô tô biển số 71C2-610.54 của vợ chồng bà Đặng Thị Thanh T (mẹ ruột V) dựng trong nhà còn gắn chìa khóa xe. Lúc này, L nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô biển số 71C2-610.54 để làm phương tiện đi về huyện BD nên L lén lút dẫn xe ra khỏi nhà, rồi nổ máy chạy

về nhà bạn gái ở xã B, huyện BD. Đến khoảng 09 giờ thì gia đình bà T phát hiện mất xe nên đi tìm, khoảng 12 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô lấy trộm đến tiệm tạp hóa bà Phạm Thị Mỹ D ở ấp H, xã M, huyện B gửi xe, rồi điện thoại cho Ngô Quốc VR (bạn của T) nói dối là thấy xe của bà T ở khu vực trên để che giấu việc L đã lấy trộm xe. Sau đó, gia đình bà Thúy đến lấy xe và trình báo sự việc nên hành vi của L bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số 71C2-610.54 nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu xanh - đen, số máy G3D4F921137, số khung 1010KH154460 do Đặng Thị Thanh T giao nộp; Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả lại cho chủ sở hữu Đặng Thị Thanh T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 04/01/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu xanh - đen, biển số 71C2-610.54 trị giá 20.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số: 23/CT-VKSBT ngày 05/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Nguyễn Vũ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị;

* Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

* Về xử lý vật chứng: Không.

* Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Vũ L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng đã nêu.

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

- Bị hại Đặng Thị Thanh T trình bày: Vào khoảng 05 giờ ngày 05/12/2022 chị thức dậy để đi làm ở Công ty Mai Hà thuộc thành phố B, tỉnh Bến Tre, khi chị đi thì chị có mở cửa trước để đi, chị không có đóng cửa lại, lúc này tại nhà chị có hai đứa con chị là Nguyễn Quốc V, sinh năm 2002 và Nguyễn Quốc T, sinh năm 2005 đang nằm ngủ bên trong phòng trong nhà, còn chồng chị là Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980 cũng rời nhà đi làm thuê cho người khác cùng lúc với chị, vợ chồng chị đi làm thì chị thấy chiếc xe nói trên vẫn còn dựng tại vị trí bên trong gian nhà sau, chìa khóa xe thì vẫn gim sẵn trên ổ khóa xe. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày chị có nhận cuộc gọi điện thoại của con chị là Nguyễn Quốc V thông báo rằng chiếc của chị bị mất, nghe tin thì chị đi trở về nhà và xác định chiếc xe của chị bị mất là thật. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, con chị là Nguyễn Quốc V có nhận điện thoại của bạn là QR nói rằng L có điện thoại gặp QR nói là L thấy có người chạy chiếc xe của chị đang dựng ở trước quán giải khát của bà Phạm Thị Mỹ D thuộc xã M, nghe tin như vậy thì V con chị cùng với QR chạy đến quán bà D để tìm, khi đến thì hai đứa phát hiện chiếc xe của chị đang dựng tại đó, V và QR lấy xe đem về nhà chị đem chiếc xe đến Công an xã MC trình báo sự việc và tự nguyện giao nộp chiếc xe trên để Công an giải quyết. Quá trình điều tra, được biết bị cáo Nguyễn Vũ L là người lấy trộm xe của chị. Hiện chị đã nhận lại được chiếc xe nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận nên Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm. Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, những người làm chứng Nguyễn Quốc V, Nguyễn Quốc T, Ngô QR, Nguyễn Văn H, Phạm Thị Mỹ D, Nguyễn Văn U và

Phan Ngọc N vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người làm chứng nêu trên đã có lời khai rõ trong quá trình điều tra, đồng thời bị cáo, bị hại và những người tiến hành tố tụng khác không có ý kiến gì về việc vắng mặt của những người làm chứng. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố Tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng nêu trên trong vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Vũ L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, cùng những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do có động cơ bất chính, nên bị cáo Nguyễn Vũ L đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 71C2-610.54 trị giá 20.000.000 đồng; vụ việc xảy ra vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 05/12/2022 tại ấp C, xã MC, huyện B, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Nguyễn Vũ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đã trưởng thành và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, muốn có phương tiện đi lại mà chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu để phục vụ nhu cầu, lợi ích cá nhân mà không cần bỏ tiền để mua, thuê tài sản nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và hậu quả xảy ra đúng như bị cáo

mong muốn. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, mỗi khi sơ hở sẽ bị kẻ gian lén lút chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần xử lý bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra, mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện tìm cách trả xe lại cho bị hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm a, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị về áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên HĐXX xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo về cho địa phương giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội. Do đó, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Không.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ L phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm a, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 21/6/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Vũ L cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi bị cáo thường thiệt hại gì thêm.

4. Về xử lý vật chứng: Không.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc bị cáo Nguyễn Vũ L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Mỹ Hòa (Ba Tri – Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tấn Tài